.TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

G, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Số: 01/2017/QĐST-DS
Ngày 08/9/2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Công Hiến**

Ông **Nguyễn Văn Vũ**

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165, 212, 213, 235, và 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Căn cứ vào các Điều 357, 609, 612, 613 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 01/2017/ TLST- DS ngày 13 tháng 02 năm 2017.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1963

Bà **Nguyễn Thị C,** sinh năm 1952

Bà **Nguyễn Thị C1,** sinh năm 1952

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1966

Đều trú tại: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970

Trú tại: Ph- ờng Đ, thành phố N, tỉnh N.

(Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C1, Ông Nguyễn Văn H đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M1**, sinh năm 1960
Trú tại: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

Ng□ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1963
Trú tại: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn X là năm 2012 và cụ Nguyễn Thị B là năm 2008;

Về hàng thừa kế nhứ nhất của cụ Nguyễn Văn X và cụ Nguyễn Thị B gồm 6 ng- ời: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn H.

Di sản của cụ Nguyễn Văn X và cụ Nguyễn Thị B gồm diện tích 1400 m2 đất nông nghiệp tại tờ bản đồ số 381a, thửa số 928, tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn X, thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa của UBND xã G, hộ gia đình tự nguyện đóng góp 70 m2 đất trong tổng số diện tích 1400 m2 đất. Hiện nay, diện tích đất thực tế còn lại là 1330 m2. Có tổng giá trị là 57.190.000 đồng; được chia cho 06 thừa kế, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng 9.531.600 đồng.

Phân chia cụ thể như sau:

a) ***Ông Nguyễn Văn M*** được chia diện tích 221,92 m2 đất; trị giá 9.531.600 đồng. Có tứ cận nh- sau.

- Phía Đông giáp đường nội đồng dài 3,3 mét.
- Phía Tây giáp khu dân cư dài 3,3 mét.
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị C dài 67,1 mét.
- Phía Bắc giáp đất của gia đình ông M dài 67,4 mét.

b) ***Bà Nguyễn Thị C*** được chia diện tích 221,77 m2 đất; trị giá 9.531.600 đồng. Có tứ cận nh- sau.

- Phía Đông giáp đường nội đồng dài 3,31 mét.
- Phía Tây giáp khu dân cư dài 3,31 mét.
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị C dài 66,9 mét.
- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 67,1 mét.

c) ***Bà Nguyễn Thị C*** được chia diện tích 221,77 m2 đất; trị giá 9.531.600 đồng. Có tứ cận nh- sau.

- Phía Đông giáp đường nội đồng dài 3,32 mét.
- Phía Tây giáp khu dân cư dài 3,32 mét.
- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 66,7 mét.
- Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị C dài 66,9 mét.

d) ***Ông Nguyễn Văn H*** được chia diện tích 221,77 m2 đất; trị giá 9.531.600 đồng. Có tứ cận nh- sau.

- Phía Đông giáp đường nội đồng dài 3,33 mét.
- Phía Tây giáp khu dân cư dài 3,33 mét.
- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 66,5 mét.
- Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị C dài 66,7 mét.

đ) ***Ông Nguyễn Văn M*** được chia diện tích 221,77 m2 đất; trị giá 9.531.600 đồng. Có tứ cận nh- sau.

- Phía Đông giáp đường nội đồng dài 3,34 mét.
- Phía Tây giáp khu dân cư dài 3,34 mét.
- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn S dài 66,3 mét.
- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 66,5 mét.

e) ***Ông Nguyễn Văn S*** được chia diện tích 221,6 m2 đất; trị giá 9.531.600 đồng. Có tứ cận nh- sau.

- Phía Đông giáp đường nội đồng dài 3,35 mét.
- Phía Tây giáp khu dân cư dài 3,35 mét.
- Phía Nam giáp đất 1 lúa dài 66 mét.
- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 66,3 mét.

(Phần đất của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn S được chia trong tổng số diện tích 1330 m2 đất nông nghiệp tại tờ bản đồ số 381a, thửa số 928, tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn X).

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn M tự nguyện thu hoạch tất cả tài sản, hoa mầu trên diện tích 1330 m2 đất nêu trên và không yêu cầu bồi thường về công vượt lập, giữ gìn, tu bổ đất.

Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn S mỗi người phải trả ông Nguyễn Văn M số tiền 333.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Nguyễn Văn M đã trả số tiền 333.000 đồng cho ông Nguyễn Văn M.

Trong tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn S mỗi người phải chịu 476.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn M được khấu trừ vào số

tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/03967 ngày 13/02/2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *T.H.ADS huyện G;*
- *Các đ- ơng sự;*
- *L- u hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thiện Thành